

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 06 - 05 - 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen

Ông Đỗ Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985; thẻ căn cước số 001185026xxx; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà x, ngõ 4xx đường Song P - Yên S, xóm x, thôn Tiền L, xã Sơn Đ, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng A, sinh năm 1984; thẻ căn cước số 001084030xxx; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 2x ngách Đ, thôn x - Lại Y, xã Sơn Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trọng A kết hôn năm 2008 tại UBND xã Lại Y, huyện Hoài Đ (nay là xã Sơn Đ), thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, bà và ông A được tự do tìm hiểu nhau vài tháng. Sau khi kết hôn, bà và ông A về sinh sống cùng nhà với bố mẹ ông A ở thôn x - Lại Y, xã Sơn Đ, thành phố Hà Nội được vài tháng thì vợ chồng thuê nhà ở

riêng. Đầu năm 2020, vợ chồng chuyển về nhà mẹ đẻ bà ở Song P - Yên S, xã Sơn Đ, thành phố Hà Nội sinh sống. Vợ chồng chung sống cùng nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông A thường xuyên uống rượu, chửi và không có trách nhiệm gì với bà và các con. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất khoảng giữa năm 2024, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2025, kể từ đó ông A chuyển về nhà mẹ đẻ ông A sinh sống cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 02 con chung là: Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 28/12/2008, anh Nguyễn Trọng Anh D, sinh ngày 25/7/2011. Ly hôn bà xin nuôi chị N, anh D và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Vì từ khi chị N, anh D sinh ra đến nay thì anh D, chị N đều sinh sống cùng bà. Hiện tại, bà làm nghề tự do, thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, bà được mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở, kinh tế. Ông A làm nghề lái xe cho Công ty tư nhân thu nhập cụ thể thế nào bà không rõ. Ông A đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ và các em của ông A tại nhà riêng của bố mẹ ông A.

Về phần tài sản chung, nợ: Bà xác định vợ chồng không vay nợ ai, cũng như không cho ai vay nợ. Vợ chồng không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình vợ và gia đình chồng. Ngoài các yêu cầu nêu trên, bà không trình bày và đề nghị gì thêm.

* Bị đơn ông Nguyễn Trọng A vắng mặt có văn bản trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn ông nhất trí lời trình bày của bà Y. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chính thức sống ly thân nhau mỗi người một nơi khoảng 1 năm nay. Nay bà Y xin ly hôn ông thì ông nhất trí vì vợ chồng ông không còn tình cảm và quan tâm gì đến nhau nữa.

Về con chung: Ông và bà Y có 02 con chung là: Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 28/12/2008, anh Nguyễn Trọng Anh D, sinh ngày 25/7/2011. Chị N, anh D đang sinh sống cùng bà Y. Ly hôn ông nhất trí giao chị N và anh D cho bà Y nuôi dưỡng. Hiện tại ông là lái xe thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra ông không có thu nhập nào khác. Còn bà Y làm nghề gì và thu nhập như thế nào thì ông không rõ.

Về phần tài sản chung, nợ: Ông xác định vợ chồng không có.

Tại phiên tòa:

Do bà Y, ông A vắng mặt nên Thẩm phán công bố tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bà Y, ông A cũng như tài liệu khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình điều tra và thu thập chứng cứ vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng và quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa bà Y và ông A trầm trọng từ năm 2025, kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà Y xin ly hôn thì ông A đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y, cho bà Y được ly hôn với ông Nguyễn Trọng A. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao chị Nguyễn Thị Yên N, anh Nguyễn Trọng Anh D cho bà Y nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Y và ông A đều xác định không có tài sản chung, nợ nên không phải xem xét giải quyết. Bà Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện ông Nguyễn Trọng A có địa chỉ: Xã Sơn Đ, thành phố Hà Nội về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông A nhưng ông A có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt; trước khi mở phiên tòa, bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt bà Y, ông A là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, Điều 208, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y xin ly hôn ông Nguyễn Trọng A.

Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Trọng A đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã Lại Y, huyện Hoài Đ (nay là xã Sơn Đ), thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Cả bà Y và ông A đều xác định vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chính thức sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ tháng 4/2025 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Bà Y xin ly hôn ông A đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng bà Y và ông A đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Y, cho bà Y được ly hôn với ông A là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của bà Y xin được nuôi chị Nguyễn Thị Yên N, anh Nguyễn Trọng Anh D.

Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Trọng A xác định có 02 con chung là: Chị Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 28/12/2008, anh Nguyễn Trọng Anh D, sinh ngày 25/7/2011. Bà Y có nguyện vọng nuôi chị N, anh D. Đồng thời chị N và anh D có nguyện vọng được ở cùng bà Y; ông A nhất trí theo nguyện vọng của bà Y và các con của ông bà. Để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên nên giao chị N, anh D cho bà Y nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Y không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà Y là tự nguyện có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ: Bà Y và ông A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Trọng A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Cho bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Trọng A.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Trọng A có 02 con chung là: Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 28/12/2008, anh Nguyễn Trọng Anh D, sinh ngày 25/7/2011. Giao chị Nguyễn Thị Yến N, anh Nguyễn Trọng Anh D cho bà Y nuôi dưỡng đến khi chị N, anh D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bà Y không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông A đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Y đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005704 ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Trọng A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Khu vực 8 – Hà Nội;
- THAD thành phố Hà Nội;
- UBND xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội,
(Số 21, quyền số 01, đăng ký
ngày 25/3/2008 tại UBND xã Lại Y);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thu

